

Số: 3099 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh
thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND thành phố Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép thành lập Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh tại Văn bản số 02/CV-HNKT ngày 25/5/2020 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1815/TTr-SNV ngày 30/6/2020 về việc phê duyệt Điều lệ Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh thành phố Hà Nội đã được Đại hội đại biểu Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh lần thứ III, nhiệm kỳ 2019 - 2024 thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND huyện Đông Anh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP Nguyễn Văn Sửu;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh, NC;
- Lưu: VT, NC Ng.Q.Son.

24/02 - AD



ĐIỀU LỆ

Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3099/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh.
2. Tên tiếng Anh: Donganh Association of People with Disabilities.
- Tên viết tắt: DP Donganh.
3. Hội có biểu tượng (logo) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là Hội) là tổ chức xã hội của người khuyết tật đang sinh sống và hoạt động hợp pháp trên địa bàn huyện Đông Anh, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, địa vị xã hội, nguyên nhân khuyết tật; tự nguyện tham gia các hoạt động của người khuyết tật và vì người khuyết tật.

2. Mục đích của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết, nâng cao năng lực của người khuyết tật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; khuyến khích, động viên, tạo cơ hội để người khuyết tật khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên trở thành những người có ích, hoà nhập và bình đẳng vào xã hội, hướng tới “Xã hội hòa nhập, không rào cản và vì quyền của người khuyết tật”.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.
2. Hội là thành viên của Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội và là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đông Anh.
3. Trụ sở: Số 335, đường Cao Lỗ, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
4. Thông tin liên hệ:
- Điện thoại: 0243.295.9744
- Email: hoinkthuyendonganh26112008@gmail.com

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên địa bàn huyện Đông Anh, trong lĩnh vực nâng cao năng lực, thúc đẩy thực hiện quyền của người khuyết tật, không vì mục đích lợi nhuận, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Đông Anh và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai và minh bạch;
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức hoạt động theo điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không

được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả với UBND huyện Đông Anh và các cơ quan liên quan theo quy định pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với UBND huyện Đông Anh và các cơ quan liên quan; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

9. Thực hiện theo đúng quy định Nhà nước về lập, lưu giữ và quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội danh sách hội viên, chi hội và các đơn vị thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: hội viên chính thức và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức:

- Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam là người khuyết tật, người đại diện hợp pháp của người khuyết tật trí tuệ, tự kỷ và trẻ em khuyết tật đang sinh sống, hợp pháp trên địa bàn huyện Đông Anh, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

- Hội viên tổ chức bao gồm các tổ chức Việt Nam của người khuyết tật (các chi hội, câu lạc bộ, các tổ, đội, nhóm...) tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội; các thành viên cá nhân của tổ chức cũng là hội viên của Hội.

- Các Hội Người khuyết tật có phạm vi hoạt động trong xã, thị trấn thuộc huyện Đông Anh tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, kết nạp làm Hội thành viên. Hội viên của Hội thành viên đồng thời là hội viên của Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh.

b) Hội viên danh dự:

Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có tâm huyết và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên danh dự được hưởng quyền lợi như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Các Hội thành viên chịu sự hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, theo dõi, kiểm tra về tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ Hội và quy chế, quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành hội viên của Hội, gửi đơn xin gia nhập Hội tới Ban Chấp hành xem xét, kết nạp hội viên.

2. Thủ tục ra khỏi Hội: Ban chấp hành xem xét và quyết định chấm dứt tư cách hội viên của Hội trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân, tổ chức không muốn tiếp tục là hội viên của Hội có đơn xin ra khỏi Hội, sẽ được Ban Chấp hành xem xét, đưa ra khỏi danh sách hội viên;

b) Tổ chức bị giải thể hoặc tự giải thể;

c) Cá nhân, tổ chức vi phạm Điều lệ, Quy chế của Hội;

d) Tổ chức không hoạt động và không có báo cáo hoạt động 01 năm;

đ) Tổ chức không đóng hội phí 01 (một) năm mà không có lý do chính đáng;

e) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc làm ảnh hưởng đến tài sản, uy tín của Hội và các hội viên khác.

3. Việc gia nhập Hội và xin ra khỏi Hội của các Hội thành viên phải được trên 2/3 (hai phần ba) hội viên của Hội thành viên tán thành.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội đại biểu.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường trực.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các bộ phận chuyên trách (nếu có).

6. Các hội thành viên, tổ chức cơ sở thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

d) Các nội dung khác (nếu có);

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội, nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức tham dự Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định; các Ủy viên Ban Chấp hành không kiêm nhiệm Ủy viên Ban Kiểm tra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khen thưởng, kỷ luật của Hội; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành định kỳ 03 (ba) tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội. Đối với những vấn đề quan trọng (bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, bầu hoặc bãi miễn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội, quyết định triệu tập Đại hội, khen thưởng, kỷ luật trong Hội) phải trên 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên có mặt tán thành.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành, số lượng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch (không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ban Chấp hành) và các Ủy viên. Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Giúp Ban Chấp hành tổ chức, điều hành và quản lý văn phòng Hội và các bộ phận chuyên trách;

d) Đại diện cho Hội trong quan hệ với các tổ chức khác.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực 01 (một) tháng họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường trực.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- a) Bầu Trưởng ban Kiểm tra;
- b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các Quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;
- b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường trực. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo đúng quy định của Trung ương và Thành phố.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, UBND huyện Đông Anh, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;
- c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;
- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;
- đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo đúng quy định của Trung ương và Thành phố.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng Hội, các bộ phận chuyên trách và tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Căn cứ tình hình thực tế, Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập Văn phòng Hội, các bộ phận chuyên trách và các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

2. Văn phòng Hội và các bộ phận chuyên trách là cơ quan giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc Phó Chủ tịch Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội. Văn phòng Hội và các bộ phận chuyên trách hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

3. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội do Hội thành lập, gồm chi hội, câu lạc bộ, các tổ chức khác của người khuyết tật hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và các quy chế, quy định của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên; đối với những hội viên có hoàn cảnh khó khăn được Ban Chấp hành xem xét miễn đóng hội phí.

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc (nếu có).

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 Chương và 26 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh lần thứ III, nhiệm kỳ 2019 - 2024 thông qua ngày 06 tháng 9 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về Hội, Điều lệ Hội Người khuyết tật huyện Đông Anh thành phố Hà Nội, Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

PHỐ
KH. QH

th